

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ MỸ
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:114/2023/HS-ST
Ngày 11-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Kim Thanh
2.Bà Phan Thị Sơn

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân– Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Tiên – Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2023/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HS ngày 14/7/2023 đối với các bị cáo:

1.Trần T (Tên gọi khác: Phi); Sinh ngày 09 tháng 01 năm 1996; Nơi sinh: tỉnh An Giang. Hộ khẩu thường trú: Tổ 4, khu phố L, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nơi ở: Tổ 01, Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp:Tài xế; Trình độ văn hóa 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Trần M (Đã chết); Mẹ là bà Phạm Thị M, sinh năm 1967;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Tiền án: 01- Tại bản án số 83/2020/HSST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xử phạt bị cáo 14 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Tiền sự: Không.

Nhân thân: tại bản án số 132/2014/HSST ngày 08/10/2014 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 02 năm tù về tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Ngọc G, Sinh ngày 10 tháng 9 năm 2000; Nơi sinh: tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ;

Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Cha là ông Nguyễn Văn M (Đã chết); Mẹ là bà Lê Ngọc X, sinh năm 1972;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 22/3/2023 tại nhà tạm giữ Công an thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Võ Thị Hoàng O, sinh năm 1989; Địa chỉ: Tổ 1, Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

- *Người làm chứng*: Ông Tống Thành V, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần T và Nguyễn Ngọc G là người nghiện ma túy, có tình cảm với nhau, cả hai thuê phòng tại nhà trọ thuộc Tổ 1, thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu chung sống như vợ chồng với nhau. Tối ngày 20/3/2023 T và G mỗi người góp 200.000đ để mua ma túy về sử dụng chung. Sau đó T gọi điện thoại liên lạc với một người tên L (không rõ nhân thân, lai lịch) hỏi mua một gói ma túy tổng hợp với giá 400.000đ. L đồng ý và đem gói ma túy đến nhà trọ bán trái phép cho T và G. Sau khi mua được ma túy, do phải đi làm nên T đã cất giấu gói ma túy trên bàn trong phòng trọ. Đến ngày 22/3/2023, T và G đã lấy một phần trong gói ma túy trên để sử dụng. Số ma túy còn lại T đã gói lại trong gói nylon, hàn kín lại và tiếp tục giấu trên bàn trong phòng trọ. Đến 15 giờ cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (PC 04) phối hợp với Công an xã Tân Hòa, thị xã Phú Mỹ tiến hành kiểm tra phòng trọ của T và G phát hiện bắt quả tang T và G đang có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy.

Tang vật thu giữ gồm: 01 gói nylon hàn kín, bên trong có chứa chất kết tinh không màu, trong suốt Trên bàn trong phòng trọ của T và G; thu giữ của T 01 điện thoại di động hiệu SamSung đã qua sử dụng, thu giữ của G 01 điện thoại di động hiệu Oppo đã qua sử dụng; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Quá trình điều tra, T và G đã khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy như đã trình bày ở trên.

Tại bản Kết luận giám định số 122/KLGĐ – PC09 – MT ngày 29/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu kết luận:

- Mẫu cần giám định: 01 phong bì màu trắng, có hình dấu của Công an xã Tân Hòa- Công an thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, cùng các chữ ký ghi họ tên Trung tá Bùi Văn Tú, Trần T, Nguyễn Ngọc G, Tống Thành V, Nguyễn Văn Diễn, Mai Việt Kiên, bên trong có 01 gói nylon được hàn kín chứa chất kết tinh không màu – trong suốt (ký hiệu mẫu A), có khối lượng 1,5429 gam là ma túy, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục của Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Về vật chứng vụ án: 01 phong bì niêm phong chất ma túy đề số: 122 ngày 31/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gửi trả sau giám định có khối lượng 0,9166 gam; 01 điện thoại di động hiệu SamSung đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động hiệu Oppo đã qua sử dụng, 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy đã chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ bảo quản, chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Không.

- Tại bản Cáo trạng số: 110/CT- VKS ngày 28/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố Trần T và Nguyễn Ngọc G về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai của mình tại cơ quan điều tra, khai nhận toàn bộ hành vi trái pháp luật của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và xin được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và phát biểu luận tội, phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả do bị cáo gây ra, cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đề nghị, Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Đối với bị cáo Trần T: Về hình phạt chính: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù; Về hình phạt bổ sung: Vì bị cáo đang bị tạm giam không có thu nhập nên không đề nghị hình phạt bổ sung.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc G: Về hình phạt chính: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo G từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù; Về hình phạt bổ sung: Vì bị cáo đang bị tạm giam không có thu nhập nên không đề nghị hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị tuyên: Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong chất ma túy đề số: 122 ngày 31/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gửi trả sau giám định; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy, Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu SamSung đã qua sử dụng, Trả lại cho Nguyễn Ngọc G 01 điện thoại di động hiệu Oppo đã qua sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định

Về trách nhiệm dân sự: Không.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là sai trái, nên xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để bị cáo sớm được về với gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Qua xem xét toàn bộ hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan điều tra, viện kiểm sát đã tuân thủ nghiêm thủ tục tố tụng trong việc thu thập chứng cứ theo quy định tại các điều 88, 98, 105 Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra không có bức cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định pháp luật.

[2] *Về điều luật áp dụng và tội danh*:

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, qua đối chiếu với lời khai tại cơ quan điều tra và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy phù hợp với nhau, do vậy có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 15 giờ ngày 22/3/2023 tại nhà trọ thuộc tổ 1, Thôn P, xã T, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Trần T và Nguyễn Ngọc G đang có hành vi tàng trữ trái phép 1,5429 gam ma túy loại Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng thì bị bắt quả tang.

Trần T và Nguyễn Ngọc G khai nhận số ma túy trên là của T và G, cất giấu nhằm mục đích để sử dụng.

Trước khi thực hiện tội phạm thì giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể ai là người liên hệ mua ma túy, ai là người đi nhận hàng, ai là người cất giấu ma túy...mà chỉ mang tính bộc phát nhất thời. Do đó, các bị cáo phạm tội không thuộc trường hợp có tổ chức mà chỉ tham gia với vai trò là đồng phạm giản đơn.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy và gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, là người nghiện, hơn ai hết các bị cáo hiểu rõ tác hại to lớn của ma túy, biết rõ Nhà nước nghiêm cấm tất cả các hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy, nhưng vì phục vụ cho nhu cầu sử dụng của bản thân nên các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đối với bị cáo T, bị cáo là người có nhân thân xấu, có 01 tiền án chưa được xóa án tích, lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để cảnh tỉnh cho bản thân nhưng lần này bị cáo lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện tính xem thường pháp luật của bị cáo. Với tính chất, mức độ phạm tội như trên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc cao hơn bị cáo G, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội bằng hình phạt tù có thời hạn để cải tạo, giáo dục bị cáo, giúp bị cáo nhận ra lỗi lầm của mình đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Đối với bị cáo G: Mặc dù bị cáo là lần đầu phạm tội nhưng cũng phải có hình phạt nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo, giúp bị cáo nhận ra lỗi lầm của mình đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo T bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” được quy định tại điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Xét các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải, nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ

quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Xét các bị cáo đang bị tạm giam, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Không

[7] Đối với người đàn ông tên L đã bán ma túy cho T: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Phú Mỹ tiếp tục điều tra, xác minh nhân thân, lai lịch và hành vi phạm tội. Khi có kết quả sẽ tiến hành điều tra, làm rõ hành vi phạm tội và xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] *Về xử lý vật chứng*: 01 phong bì niêm phong chất ma túy đề số: 122 ngày 31/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu gửi trả sau giám định và 01 một bộ dụng cụ sử dụng ma túy là đối tượng bị Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy;

01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung, màu đen, số Imel: 358695/10/066384/3 đã qua sử dụng là chiếc điện thoại mà bị cáo T dùng để liên lạc với đối tượng tên L để mua ma túy nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo, màu đen vì đó là tài sản cá nhân của bị cáo dùng để liên lạc với người nhà, không liên quan đến việc phạm tội.

[9] *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Trần T và Nguyễn Ngọc G phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần T 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2023.

2 Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc G 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/3/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy 01 phong bì niêm phong số 122 ngày 31/3/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu niêm phong đóng dấu bên trong chứa mẫu vật ma túy còn lại sau giám định và 01 (một) bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Samsung, màu đen, số Imel: 358695/10/066384/3

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Ngọc G 01 (một) điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu Oppo, màu đen, không tìm thấy số imel.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện đang được Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 105/BB-CCTHADS ngày 03/7/2023.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trần T và nguyên Ngọc G mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV 06 – Công an tỉnh BR-VT;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- CCTHA dân sự thị xã Phú Mỹ;
- UBND xã/phường nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; các đương sự; Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Văn Thị Hiền